

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 004/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số /BC-VHXX ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung, mức chi cho các hoạt động của các kỳ thi gồm thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi tuyển sinh đầu cấp; thi học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; coi thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia trung học phổ thông; thi khảo sát, thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia: quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, dự thi cấp khu vực trong nước: quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các nội dung và mức chi khác thực hiện như sau:

a) Thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng/Ban ra đề thi, in sao đề thi, làm phách, chấm thi, tổ chức thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành cho việc tập huấn các đội tuyển dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi quốc gia; mua mới hoặc nâng cấp, thuê phần mềm thi; mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hoá chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm: Thanh toán theo thực tế phát sinh;

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban ra đề thi, sao in đề thi, những người làm phách trong những ngày làm việc tập trung cách ly: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 và Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025;

c) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách) và tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; giáo viên và học sinh tham gia công

tác tổ chức thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 và Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025;

d) Chế độ làm thêm giờ phục vụ công tác thi: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

4. Ngoài các kỳ thi và nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo căn cứ tình hình ngân sách, nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị và nội dung cụ thể để chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn, mức chi tối đa không vượt quá 70% mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Nội dung, mức chi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 189/2022/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định nội dung chi và mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa Kỳ họp thứnhất trí thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh)
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử đại biểu nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

PHỤ LỤC I

Nội dung, mức chi cho các hoạt động của các kỳ thi gồm thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi tuyển sinh đầu cấp; thi học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; coi thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia trung học phổ thông; thi khảo sát, thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	CÔNG TÁC ĐỀ THI		
1	Chi công tác ra đề thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	900.000
	- Thành viên	đồng/người/ngày	720.000
b	Chi ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	- Thi tuyển sinh đầu cấp; thi khảo sát, thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông.	đồng/đề	600.000
	- Thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông chuyên; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia;	đồng/đề	1.000.000
c	Chi ra đề thi chính thức và dự bị (<i>Soạn thảo, thẩm định, phản biện</i>) có kèm theo đáp án, biểu điểm (<i>Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề</i>)	đồng/người/ngày	900.000
d	Chi tiền công thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên, Thư ký	đồng/người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	đồng/người/ngày	720.000
	- Công an, nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	450.000
2	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	900.000
	- Thành viên	đồng/người/ngày	720.000
b	Chi soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	70.000
c	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu	60.000
d	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	đồng/câu	50.000
đ	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	35.000
e	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	10.000
g	Chi thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	- Chủ trì	đồng/người/ngày	900.000

	- Thành viên	đồng/người/ngày	720.000
3	Chi công tác in, sao đề thi (Tiền công cho Hội đồng/Ban in sao đề thi)		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	450.000
II	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ THI, TỔ CHỨC THI VÀ CHẤM THI		
1	Chi tiền công tác chuẩn bị thi (sắp xếp phòng thi, xử lý hồ sơ, điều động và các công việc khác liên quan)		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	630.000
2	Chi tiền công cho các thành viên Ban chỉ đạo thi, các Hội đồng/Ban		
a	Ban Chỉ đạo thi		
	- Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên; Thư ký	đồng/người/ngày	630.000
	- Nhân viên phục vụ, thành viên Tổ giúp việc	đồng/người/ngày	450.000
b	Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên	đồng/người/ngày	630.000
c	Ban Thư ký/ Tổ Thư ký		
	- Trưởng ban/ Tổ trưởng	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Trưởng ban/ Tổ phó	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên/ Thành viên	đồng/người/ngày	630.000
d	Hội đồng/Ban coi thi/ Điểm thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Trưởng Điểm thi	đồng/người/ngày	810.000
	- Phó Trưởng Điểm thi	đồng/người/ngày	720.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	630.000
	- Công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ, kiểm soát viên quân sự	đồng/người/ngày	450.000
đ	Ban/Tổ vận chuyển đề thi		
	- Trưởng ban /Tổ trưởng	đồng/người/ngày	900.000
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	630.000
e	Ban/Tổ làm phách		

	- Trưởng ban /Tổ trưởng	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên, Thư ký	đồng/người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	đồng/người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	450.000
g	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	900.000
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	810.000
	- Ủy viên, thư ký, giám sát, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	630.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	đồng/người/ngày	450.000
3	Công an trực, bảo vệ đề thi, bài thi 24 giờ/ngày trước khi bàn giao cho các ban (in sao, coi thi, làm phách, chấm thi)	đồng/người/ngày	450.000
4	Chi tiền công cho người chấm thi, chấm kiểm tra, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm, bài thi thực hành, bài thi nói, bài thi tin học		
a	Tiền công cho tổ trưởng tổ phó các tổ chấm thi/phúc khảo tự luận, trắc nghiệm (ngoài tiền công chấm)	đồng/người/đợt	300.000
b	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học	đồng/người/ngày	720.000
c	Chấm thi, chấm kiểm tra, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; chấm phúc khảo bài thi tự luận	đồng/người/ngày	720.000
d	Chấm thẩm định bài thi tự luận	đồng/người/ngày	720.000
III	TIỀN CÔNG CHO CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU THI		
1	Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	900.000
2	Phó Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	810.000
3	Thành viên	đồng/người/ngày	630.000

PHỤ LỤC II

**Nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển
dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, dự thi cấp khu vực trong nước
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND

ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC ĐỘI TUYỂN DỰ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA		
1	Chi tiền công người phụ trách lớp (CBQL, phục vụ)	đồng/người/ngày	750.000
2	Chi biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành		
a	Chi biên soạn và giảng dạy lý thuyết cho giáo viên có trình độ đại học	đồng/tiết	870.000
b	Chi biên soạn và giảng dạy thực hành cho giáo viên có trình độ đại học	đồng/tiết	580.000
c	Chi biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành cho chuyên gia là giảng viên, giáo sư, tiến sĩ	đồng/tiết	2.100.000
d	Chi tiền ăn khi học tập trung (không quá 90 ngày)	đồng/người/ngày	300.000
e	Chi tiền thuê phòng nghỉ, phòng học, điện, nước (khi 02 trường chưa có đủ chỗ để học tập trung)	Theo thực tế	
II	TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC ĐỘI TUYỂN DỰ THI KHU VỰC TRONG NƯỚC		
	Chi tiền cho giáo viên dạy tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển tham dự thi dành cho học sinh lớp 10, lớp 11	đồng/tiết	870.000